

Số: **1715** /LĐTĐBXH-TCĐN
V/v xin ý kiến Dự thảo sửa đổi, bổ sung
Quyết định số 1956/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày **21** tháng **05** năm **2013**

Kính gửi:

- Các Bộ, Cơ quan ngang Bộ, Cơ quan thuộc Chính phủ;
- Ban Chỉ đạo 1956 các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Hội Nông dân Việt Nam, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Hiệp hội làng nghề Việt Nam, Hiệp hội Dạy nghề và Nghề công tác xã hội, Hội Khuyến học Việt Nam, Hội Bảo trợ người tàn tật và trẻ mồ côi Việt Nam.

Thực hiện chỉ đạo của Phó Thủ tướng Nguyễn Thiện Nhân, Trưởng ban chỉ đạo Trung ương thực hiện Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020 nêu tại Thông báo số 162/TB-VPCP ngày 15/4/2013 của Văn phòng Chính phủ, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội đã dự thảo Quyết định sửa đổi, bổ sung một số Điều Quyết định số 1956/QĐ-TTg gồm 12 mục (phần chữ in nghiêng)

(Dự thảo Quyết định sửa đổi, bổ sung kèm theo)

Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội đề nghị Quý cơ quan nghiên cứu, có ý kiến góp ý bằng văn bản về Dự thảo trên.

Ý kiến góp ý của Quý cơ quan gửi về Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội (qua Tổng cục Dạy nghề, số 37b Nguyễn Bình Khiêm, Hà Nội) kèm theo bản điện tử vào hòm thư vudntx.tcdn@gmail.com trước ngày 30/5/2013 để nghiên cứu, hoàn chỉnh Dự thảo Quyết định.

Trân trọng cảm ơn sự hợp tác của Quý cơ quan./

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Thành viên BCĐ TW thực hiện Quyết định số 1956/QĐ-TTg và thành viên Tổ công tác giúp việc Ban chỉ đạo Trung ương;
- Sở Lao động – Thương binh và Xã hội các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Lưu: VT, DNTX.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Ngọc Phi
Thành viên Ban chỉ đạo Trung ương
thực hiện Quyết định số 1956/QĐ-TT
của Thủ tướng Chính phủ

Số: /QĐ-TTg

Hà Nội, ngày tháng năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020”

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Nghị quyết số 24/2008/NQ-CP ngày 28 tháng 10 năm 2008 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020”;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội,

Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020”.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020” như sau:

1. Bổ sung Tiết b Điểm 2 Khoản I Điều 1 như sau:

“- Tỷ lệ có việc làm sau khi học nghề là tỷ lệ người có việc làm mới hoặc tiếp tục làm nghề cũ nhưng có năng suất, thu nhập cao hơn sau khi học nghề.”

2. Sửa đổi, bổ sung Điểm 1 Khoản II Điều 1 như sau:

“1. Lao động nông thôn trong độ tuổi lao động, có trình độ học vấn và sức khỏe phù hợp với nghề cần học. Lao động nông thôn, gồm:

- Người lao động có hộ khẩu thường trú tại các xã;
- Người lao động có hộ khẩu thường trú tại các phường, thị trấn nhưng đang trực tiếp làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp hoặc thuộc hộ gia đình có đất nông nghiệp bị thu hồi.

Trong đó ưu tiên dạy nghề cho các đối tượng là người thuộc diện được hưởng chính sách ưu đãi người có công với cách mạng, hộ nghèo, hộ cận nghèo, người dân tộc thiểu số, người khuyết tật, người bị thu hồi đất nông nghiệp.

Trường hợp lao động nông thôn là người lao động cao tuổi theo quy định của Bộ luật lao động, đang trực tiếp làm nghề nông nghiệp, lâm nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, nhưng trong hộ gia đình không có người trong độ tuổi lao động, nếu có sức khỏe, nguyện vọng học nghề thì được hỗ trợ học nghề ngắn hạn đối với nghề đang trực tiếp làm để có năng suất, thu nhập cao hơn.”

3. Sửa đổi, bổ sung Điều 1 Khoản III Điều 1 như sau:

“1. Chính sách đối với người học

- Lao động nông thôn thuộc diện được hưởng chính sách ưu đãi người có công với cách mạng, hộ nghèo, người dân tộc thiểu số, người bị thu hồi đất nông nghiệp được hỗ trợ chi phí học nghề ngắn hạn (trình độ sơ cấp nghề và dạy nghề dưới 3 tháng) với mức tối đa 03 triệu đồng/người/khóa học (mức hỗ trợ cụ thể theo từng nghề và thời gian học nghề thực tế); hỗ trợ tiền ăn với mức 25.000 đồng/ngày thực học/người; hỗ trợ tiền đi lại theo giá vé giao thông công cộng với mức tối đa không quá 300.000 đồng/người/khoá học đối với người học nghề xa nơi cư trú từ 15 km trở lên, hoặc từ 5 km trở lên đối với những địa bàn xã khó khăn có mức phụ cấp khu vực 0,5 trở lên;

- Lao động nông thôn là người khuyết tật được hỗ trợ chi phí học nghề ngắn hạn (trình độ sơ cấp nghề và dạy nghề dưới 3 tháng) với mức tối đa 06 triệu đồng/người/khóa học (mức hỗ trợ cụ thể theo từng nghề và thời gian học nghề thực tế); hỗ trợ tiền ăn với mức 25.000 đồng/ngày thực học/người; hỗ trợ tiền đi lại theo giá vé giao thông công cộng với mức tối đa không quá 300.000 đồng/người/khoá học;

- Lao động nông thôn thuộc diện hộ cận nghèo được hỗ trợ chi phí học nghề ngắn hạn (trình độ sơ cấp nghề và dạy nghề dưới 3 tháng) với mức tối đa 2,5 triệu đồng/người/khóa học (mức hỗ trợ cụ thể theo từng nghề và thời gian học nghề thực tế); hỗ trợ tiền ăn với mức 25.000 đồng/ngày thực học/người; hỗ trợ tiền đi lại theo giá vé giao thông công cộng với mức tối đa không quá 300.000 đồng/người/khoá học đối với người học nghề xa nơi cư trú từ 15 km trở lên, hoặc từ 5 km trở lên đối với những địa bàn xã khó khăn có mức phụ cấp khu vực 0,5 trở lên;

- Lao động nông thôn khác được hỗ trợ chi phí học nghề ngắn hạn (trình độ sơ cấp nghề và dạy nghề dưới 3 tháng) với mức tối đa 02 triệu đồng/người/khóa học (mức hỗ trợ cụ thể theo từng nghề và thời gian học nghề thực tế);

- Lao động nông thôn học nghề được vay để học theo quy định hiện hành về tín dụng đối với học sinh, sinh viên. Lao động nông thôn làm việc ổn định ở nông thôn sau khi học nghề được ngân sách hỗ trợ 100% lãi suất đối với khoản vay để học nghề;

- Lao động nông thôn là người dân tộc thiểu số thuộc diện được hưởng chính sách ưu đãi người có công với cách mạng, hộ nghèo và *hộ cận nghèo* học các khóa học trình độ trung cấp nghề, cao đẳng nghề được hưởng chính sách dạy nghề đối với học sinh dân tộc thiểu số nội trú;

- Lao động nông thôn sau khi học nghề được vay vốn *ưu đãi từ Ngân hàng Chính sách xã hội, Ngân hàng Phát triển và các Ngân hàng thương mại của Nhà nước để giải quyết việc làm.*

Mỗi lao động nông thôn chỉ được hỗ trợ học nghề một lần theo chính sách của Đề án này. Những người đã được hỗ trợ học nghề theo các chính sách khác của Nhà nước thì không được tiếp tục hỗ trợ học nghề theo chính sách của Đề án này. Riêng những người đã được hỗ trợ học nghề nhưng bị mất việc làm do nguyên nhân khách quan thì Ủy ban nhân dân cấp *huyện* xem xét, quyết định tiếp tục hỗ trợ học nghề để chuyển đổi việc làm theo chính sách của Đề án này nhưng tối đa không quá 03 lần.

4. Sửa đổi quy định về “mức tiền công giảng dạy tối thiểu” tại Điểm 2 Khoản III Điều 1 như sau:

“- Người dạy nghề (cán bộ kỹ thuật, kỹ sư, người lao động có tay nghề cao tại các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh và các trung tâm khuyến nông, lâm, ngư, nông dân sản xuất giỏi tham gia dạy nghề lao động nông thôn) được trả tiền công giảng dạy với mức tối thiểu 50.000 đồng/giờ; người dạy nghề là tiến sĩ khoa học, tiến sĩ trong lĩnh vực nông nghiệp, nghệ nhân cấp tỉnh trở lên được trả tiền công giảng dạy với mức tối thiểu 500.000 đồng/buổi. Mức cụ thể do cơ sở dạy nghề quyết định;”

5. Sửa đổi quy định về “Nội dung chủ yếu” tại Tiết b Điểm 1 Khoản V Điều 1 về như sau:

“- Nội dung chủ yếu: *Định kỳ hàng năm rà soát, cập nhật, bổ sung:*

+ *Danh mục nghề đào tạo cho lao động nông thôn;*

+ *Nhu cầu học nghề của lao động nông thôn theo từng nghề, khu vực và cấp trình độ;*

+ *Nhu cầu sử dụng lao động qua đào tạo nghề (số lượng, chất lượng, cơ cấu) của các doanh nghiệp, các ngành kinh tế và thị trường lao động;*

+ *Nhu cầu đào tạo nghề cho lao động nông thôn thực hiện quy hoạch xây dựng nông thôn mới;*

+ *Năng lực đào tạo của các cơ sở dạy nghề cho lao động nông thôn gồm: mạng lưới, nghề đào tạo, chương trình, học liệu, giáo viên và cán bộ quản lý dạy nghề, cơ sở vật chất thiết bị dạy nghề và danh sách các cơ sở dạy nghề đủ điều kiện tham gia dạy nghề cho lao động nông thôn.”*

6. Sửa đổi quy định về “Nội dung chủ yếu” tại Tiết g Điểm 1 Khoản V Điều 1 như sau:

“- Nội dung chủ yếu

+ *Hỗ trợ dạy nghề ngắn hạn (trình độ sơ cấp nghề và dạy nghề dưới 3 tháng) cho 6 triệu lao động nông thôn; trong đó 1,8 triệu người học nghề nông nghiệp; 4,2 triệu người học nghề phi nông nghiệp;*

+ *Đặt hàng dạy nghề trình độ trung cấp nghề, cao đẳng nghề cho khoảng 540 nghìn lao động nông thôn thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo, người dân tộc thiểu số.”*

7. Sửa đổi, bổ sung Điểm 4 Khoản VI Điều 1 như sau:

“4. Cơ chế tài chính của Đề án

- Các địa phương tự cân đối được ngân sách phải đảm bảo kinh phí từ ngân sách địa phương để thực hiện chính sách hỗ trợ lao động nông thôn học nghề và hoạt động đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức xã theo Đề án này;

- Ngân sách trung ương đảm bảo kinh phí để thực hiện chính sách hỗ trợ lao động nông thôn học nghề, hoạt động đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức xã cho các địa phương chưa tự cân đối ngân sách và thực hiện các chính sách, giải pháp và hoạt động còn lại của Đề án. Kinh phí thực hiện Đề án trong giai đoạn 2011 - 2020 được bố trí riêng trong Chương trình mục tiêu quốc gia *việc làm và dạy nghề* giai đoạn 2011 - 2015 và 2016 - 2020. *Việc hỗ trợ kinh phí cho các địa phương trên cơ sở quy mô lao động nông thôn, ưu tiên các địa phương vùng Tây Bắc, Tây Nguyên, Tây Nam Bộ, các địa phương có đông người dân tộc thiểu số và địa phương tổ chức thực hiện dạy nghề cho lao động nông thôn đạt kết quả, hiệu quả cao.*

- Huy động thêm nguồn lực của các tổ chức quốc tế, các cơ sở dạy nghề, doanh nghiệp, cá nhân và cộng đồng để bổ sung cho việc thực hiện Đề án (các doanh nghiệp được trừ để tính thu nhập chịu thuế theo quy định của pháp luật đối với các khoản chi phí, hỗ trợ của doanh nghiệp cho dạy nghề).

- *Các chương trình, dự án, đề án khác có hoạt động dạy nghề cho lao động nông thôn sử dụng ngân sách nhà nước, cơ quan chủ trì thực hiện chương trình, dự án, đề án ở địa phương phải báo cáo Ban chỉ đạo 1956 cấp tỉnh về kế hoạch, kinh phí, kết quả, hiệu quả dạy nghề cho lao động nông thôn.*

- *Kinh phí hỗ trợ dạy nghề cho lao động nông thôn thực hiện theo hợp đồng dạy nghề giữa cơ quan nhà nước được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao với cơ sở dạy nghề có đủ điều kiện tham gia dạy nghề cho lao động nông thôn.”*

8. Bổ sung Tiết a Điểm 1 Khoản VII Điều 1 quy định trách nhiệm của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội như sau:

“- Chủ trì, chịu trách nhiệm chỉ đạo tổ chức thực hiện dạy nghề phi nông nghiệp cho lao động nông thôn;”

9. Bổ sung Tiết b Điểm 1 Khoản VII Điều 1 quy định trách nhiệm của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn như sau:

“- Chủ trì, chịu trách nhiệm chỉ đạo tổ chức thực hiện dạy nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn;

- Chỉ đạo hệ thống khuyến nông gắn kết các hoạt động khuyến nông với hoạt động dạy nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn;”

10. Bổ sung Tiết e Điểm 1 Khoản VII Điều 1 quy định trách nhiệm của Bộ Công Thương như sau:

“- Chỉ đạo hệ thống khuyến công gắn kết các hoạt động khuyến công với hoạt động dạy nghề phi nông nghiệp cho lao động nông thôn;”

11. Bổ sung sau Tiết g Điểm 1 Khoản VII Điều 1 các Tiết g', g'' quy định trách nhiệm của Ủy ban Dân tộc, Ngân hàng Nhà nước như sau:

“g') Ủy ban Dân tộc

- Chỉ đạo việc tổ chức thực hiện nội dung hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình 135 gắn kết với hoạt động dạy nghề cho lao động nông thôn tại địa bàn;

- Phối hợp với Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội chỉ đạo tổ chức thực hiện các hoạt động của Đề án này đối với người dân tộc thiểu số và vùng, địa phương có đông người dân tộc thiểu số;

- Phối hợp với Bộ Nội vụ chỉ đạo tổ chức thực hiện hoạt động đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức xã vùng, địa phương có đông người dân tộc thiểu số.

g'') Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Hướng dẫn và chỉ đạo Ngân hàng Chính sách xã hội, Ngân hàng Phát triển và các Ngân hàng thương mại của Nhà nước cho lao động nông thôn sau khi học nghề được vay vốn ưu đãi để giải quyết việc làm hoặc thành lập tổ hợp tác, hợp tác xã, doanh nghiệp ở khu vực nông thôn

12. Bổ sung Điểm 2 Khoản VII Điều 1 quy định trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương như sau:

“- Tổ chức quảng bá, xây dựng thương hiệu hàng hóa, hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm cho lao động nông thôn;

- Tổng hợp báo cáo kết quả dạy nghề cho lao động nông thôn, gồm: kết quả, hiệu quả dạy nghề cho lao động nông thôn theo chính sách của Đề án này; kết quả dạy nghề cho lao động nông thôn từ các chương trình, dự án, đề án khác, các nguồn xã hội hóa và kết quả số lao động nông thôn được học nghề, tập nghề để làm việc cho người sử dụng lao động (doanh nghiệp);

- Chịu trách nhiệm về kết quả, hiệu quả dạy nghề cho lao động thôn theo chính sách của Đề án này.”

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- VP BCĐ TW về phòng, chống tham nhũng;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, KGVX (5b). XH

THỦ TƯỚNG